Người ký: Sở Tư pháp
Email: tuphap@tuyenquang.gov.vn
Cơ quan: Tỉnh Tuyên Quang
Thời gian ký: 09.10.2019 16:25:24 +07:00

UỶ BAN NHÂN DÂN **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 09/2010/QĐ-UBND	*Tuyên Quang, ngày 25 tháng 6 năm 2010.*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc sửa đổi, bổ sung phân loại một số khu vực đất, vị trí đất; bổ sung giá đất năm 2010 trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang

UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Uỷ ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Uỷ ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Pháp lệnh giá số 40/2002/PL-UBTVQH10 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội khoá X ngày 26/4/2002;

Căn cứ Nghị định số 170/2003/NĐ-CP ngày 25/12/2003 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Pháp lệnh giá; Nghị định số 75/2008/NĐ-CP ngày 09/6/2008 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 170/2003/NĐ-CP ngày 15/12/2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh giá;

Căn cứ Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ về thi hành Luật đất đai; Nghị định số 188/2004/NĐ-CP ngày 16/11/2004 của Chính phủ về phương pháp xác định giá đất và khung giá các loại đất; Nghị định số 123/2007/NĐ-CP ngày 27/7/2007 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 188/2004/NĐ-CP ngày 16/11/2004 của Chính phủ về phương pháp xác định giá đất và khung giá các loại đất;

Căn cứ Thông tư số 145/2007/TT-BTC ngày 06/12/2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 188/2004/NĐ-CP ngày 16/11/2004 của Chính phủ về phương pháp xác định giá đất và khung giá các loại đất và Nghị định số 123/2007/NĐ-CP ngày 27/7/2007 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 188/2004/NĐ-CP;

Căn cứ Quyết định số 20/2008/QĐ-UBND ngày 21/9/2008 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Quy định về tiêu trí phân vùng, phân loại đường phố và phân vị trí đất làm căn cứ phân vùng, phân loại đường phố, phân vị trí đất để định giá đất trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang;

Căn cứ Quyết định số 24/2009/QĐ-UBND ngày 21/12/2009 của Ủy ban nhân dân tỉnh về ban hành giá đất năm 2010;

Căn cứ Quyết định số 25/2009/QĐ-UBND ngày 21/12/2009 của Ủy ban nhân dân tỉnh về phân vùng, phân khu vực, loại đường phố, phân vị trí đất năm 2010;

Căn cứ Văn bản số 107/HĐND$_{16}$-KTNS ngày 16/6/2010 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc điều chỉnh bổ sung phân loại khu vực, vị trí đất và giá đất năm 2010.

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Văn bản số 401/TNMT-CCĐĐ ngày 26/5/2010 về việc báo cáo đề xuất phê duyệt bổ sung giá đất; điều chỉnh, bổ sung phân loại khu vực, vị trí đất năm 2010 trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung, một số nội dung quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh tại Quyết định số 24/2009/QĐ-UBND ngày 21/12/2009 về ban hành giá đất năm 2010 và Quyết định số 25/2009/QĐ-UBND ngày 21/12/2009 về phân vùng, phân khu vực, loại đường phố, phân vị trí đất trên địa bàn tỉnh năm 2010 như sau:

1. Sửa đổi, bổ sung Quyết định số 24/2009/QĐ-UBND ngày 21/12/2009 của Ủy ban nhân dân tỉnh:

a) Bổ sung điểm c vào khoản 2, Điều 1 như sau:

"c. Giá đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp tại đô thị và đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp tại nông thôn các vị trí còn lại:

- Giá đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp tại đô thị và đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp tại nông thôn ở các vị trí còn lại trên địa bàn thị xã Tuyên Quang được xác định bằng 60% giá đất ở cùng vị trí theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 1 Quyết định số 24/2009/QĐ-UBND ngày 21/12/2009 của Ủy ban nhân dân tỉnh;

- Giá đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp tại đô thị và đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp tại nông thôn ở các vị trí còn lại trên địa bàn các huyện: Na Hang, Chiêm Hoá, Hàm Yên, Yên Sơn và Sơn Dương được xác định bằng 55% giá đất ở cùng vị trí theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 1 Quyết định số 24/2009/QĐ-UBND ngày 21/12/2009 của Ủy ban nhân dân tỉnh."

b) Bổ sung khoản 6 vào Điều 1 như sau:

"6. Giá đất tôn giáo, tín ngưỡng; đất phi nông nghiệp khác được xác định bằng 100% giá đất ở tương ứng tại các vị trí, loại đường, khu vực đất ở liền kề hoặc vị trí lân cận gần nhất (nếu không có liền kề) theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều này."

c) Điều chỉnh đoạn từ km 14+500 đến km 16+500 tại biểu số 06TX/GĐ-VTGT của thị xã Tuyên Quang sang vào biểu số 06YS/GĐ-VTGT của huyện Yên Sơn, cụ thể:

"- Từ km 14 +500 đến km 15 + 500 (phần địa phận của xã Đội Bình, phía TT Tân Bình áp dụng ở biểu đất ở đô thị); giá đất 800.000đ/m^2.

- Từ km 15 + 500 đến km 16 + 500 (phần địa phận của xã Đội Bình, phía TT Tân Bình áp dụng ở biểu đất ở đô thị); giá đất 320.000đ/m^2."

(Có biểu số 06YS/GĐ-VTGT kèm theo).

2. Sửa đổi, bổ sung Quyết định số 25/2009/QĐ-UBND ngày 21/12/2009 của Ủy ban nhân dân tỉnh:

a) Bổ sung vào các biểu phân loại vị trí một số loại đất trên địa bàn huyện Yên Sơn: Biểu số 01YS/PL-CHN (phân loại vị trí đất trồng cây hàng năm); Biểu số 02YS/PL-CLN (phân loại vị trí đất trồng cây lâu năm); Biểu số 03YS/PL-RSX (phân loại vị trí đất trồng rừng sản xuất); Biểu số 04YS/PL-NTS (phân loại vị trí đất nuôi trồng thuỷ sản); Biểu số 05YS/PL-ONT (phân loại vị trí đất ở nông thôn các vị trí còn lại).

(chi tiết tại các biểu: Biểu số 01YS/PL-CHN, Biểu số 02YS/PL-CLN, Biểu số 03YS/PL-RSX, Biểu số 05YS/PL-ONT, Biểu số 04YS/PL-NTS kèm theo)

b) Sửa đổi biểu số 06YS/PL-OĐT phân loại đất ở đô thị huyện Yên Sơn.

(chi tiết có biểu số 06YS/PL-OĐT kèm theo)

c) Điều chỉnh biểu số 06SD/PL-OĐT phân loại vị trí đất ở đô thị trên địa bàn huyện Sơn Dương.

(chi tiết có biểu số 06SD/PL-OĐT kèm theo)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký. Các nội dung khác không đề cập đến vẫn giữ nguyên theo Quyết định số 24/2009/QĐ-UBND ngày 21/12/2009 của Ủy ban nhân dân tỉnh về ban hành giá đất năm 2010 và Quyết định số 25/2009/QĐ-UBND ngày 21/12/2009 của Ủy ban nhân dân tỉnh về phân vùng, phân khu vực, loại đường phố, phân vị trí đất năm 2010.

Điều 3. Chánh Văn phòng Uỷ ban nhân dân tỉnh; Giám đốc sở, Thủ trưởng các ban, ngành; Chủ tịch Uỷ ban nhân dân huyện, thị xã; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Cục KTVB - Bộ Tư pháp; (báo cáo)
- Thường trực Tỉnh uỷ;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các Phó CT UBND tỉnh;
- Ban Kinh tế NS - HĐND tỉnh;
- Như Điều 3; (Thi hành)
- Chánh VP, các Phó VPUBND tỉnh;
- Trung tâm Công báo;
- Trưởng, Phó TP: KT, TH, QH;
- Chuyên viên ĐC;
- Lưu: VT (T80).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
CHỦ TỊCH

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG

Đỗ Văn Chiến

Biểu số: 01YS/PL-CHN

BIỂU BỔ SUNG PHÂN LOẠI VỊ TRÍ ĐẤT TRỒNG CÂY HÀNG NĂM TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN YÊN SƠN

(Kèm theo Quyết định số 09/2010/QĐ-UBND ngày 25/6/2010 của UBND tỉnh Tuyên Quang)

Phân loại vị trí đất	Tên xã (phường, thị trấn; Số hiệu thửa đất, số hiệu tờ bản đồ; hoặc phạm vi chỉ giới của khu đất, xứ đồng (đối với nơi chưa có bản đồ)
A	B
	XÃ THẮNG QUÂN - KHU VỰC I
Vị trí 1	**Bao gồm:**
	- Toàn bộ các thửa đất trồng cây hàng năm còn lại thuộc tờ bản đồ giải thửa số 33, 34, 35, 36, 39 và các thửa đất chưa được đo đạc thuộc xóm Trầm Ân + xóm Phú Thịnh.
	- Toàn bộ các thửa đất trồng cây hàng năm thuộc tờ bản đồ giải thửa số 40.
	XÃ PHÚ LÂM - KHU VỰC I
Vị trí 3	Bao gồm:
	- Toàn bộ các thửa đất trồng cây hàng năm thuộc tờ bản đồ số 17, xứ đồng Cầu Trò, thôn Cây Trám ranh giới được xác định bởi mép ngoài các thửa đất số 81, 82, 83, 84, 7, 8, 14, 33, 34, 75, 81.

Biểu số: 02YS/PL-CLN

BIỂU BỔ SUNG PHÂN LOẠI VỊ TRÍ ĐẤT TRỒNG CÂY LÂU NĂM
TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN YÊN SƠN

(Kèm theo Quyết định số 09/2010/QĐ-UBND ngày 25/6/2010 của UBND tỉnh Tuyên Quang)

Nội dung liên ngành thống nhất bổ sung	
Phân loại vị trí đất	**Tên xã (phường, thị trấn; Số hiệu thửa đất, số hiệu tờ bản đồ; hoặc phạm vi chỉ giới của khu đất, xứ đồng (đối với nơi chưa có bản đồ)**
1	**2**
	XÃ THẮNG QUÂN - KHU VỰC I
Vị trí 1	**Bao gồm:**
	Toàn bộ các thửa đất trồng cây lâu năm còn lại thuộc tờ bản đồ giải thửa số 33, 34, 35, 36, 39 và các thửa đất chưa được đo đạc thuộc xóm Trầm Ân + xóm Phú Thịnh.

Biểu số: 03YS/PL-RSX

BIỂU BỔ SUNG PHÂN LOẠI VỊ TRÍ ĐẤT TRỒNG RỪNG SẢN XUẤT TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN YÊN SƠN

(Kèm theo Quyết định số 09/2010/QĐ-UBND ngày 25/6/2010 của UBND tỉnh Tuyên Quang)

Phân loại vị trí đất	Tên xã (phường, thị trấn; Số hiệu thửa đất, số hiệu tờ bản đồ; hoặc phạm vi chỉ giới của khu đất, xứ đồng (đối với nơi chưa có bản đồ)
	2
	XÃ ĐỘI BÌNH - KHU VỰC I
Vị trí 1	Toàn bộ các thửa đất trồng rừng sản xuất nằm trong các khu dân cư
	XÃ THẮNG QUÂN - KHU VỰC I
Vị trí 1	Toàn bộ các thửa đất trồng rừng sản xuất còn lại thuộc tờ bản đồ giải thửa số 33, 34, 35, 36, 37, 38, 39, 40 và các thửa đất chưa được đo đạc thuộc xóm Trầm Ân + xóm Phú Thịnh.

Biểu số: 04YS/PL-NTS

BIỂU BỔ SUNG PHÂN LOẠI VỊ TRÍ ĐẤT NUÔI TRỒNG THỦY SẢN TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN YÊN SƠN

(Kèm theo Quyết định số 09/2010/QĐ-UBND ngày 25/6/2010 của UBND tỉnh Tuyên Quang)

Phân loại vị trí đất	Tên xã (phường, thị trấn; Số hiệu thửa đất, số hiệu tờ bản đồ; hoặc phạm vi chỉ giới của khu đất, xứ đồng (đối với nơi chưa có bản đồ)
1	2
	XÃ THẮNG QUÂN - KHU VỰC I
Vị trí 1	**Bao gồm:**
	Toàn bộ các thửa đất trồng thủy sản nằm ngoài khu dân cư thuộc các tờ bản đồ giải thửa số 30a+b, 31, 32a+b+c, 33, 34, 35, 36, 38, 39, 40 và các thửa đất chưa được đo đạc thuộc các xóm: Trầm Ân, Phú Thịnh, Lang Quán, Nghĩa Trung.

Biểu số: 06YS/PL-OĐT

BIỂU SỬA ĐỔI PHÂN LOẠI ĐẤT Ở TẠI ĐÔ THỊ
ĐỊA BÀN HUYỆN YÊN SƠN
(Kèm theo Quyết định số 09/2010/QĐ-UBND ngày 25/6/2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang)

Nội dung đã quy định tại Quyết định tại Quyết định số 25/2009/QĐ-UBND		Nội dung sửa đổi		Ghi chú
STT	**Tên xã (phường, thị trấn); phạm vi chỉ giới khu đất**	**STT**	**Tên xã (phường, thị trấn); phạm vi chỉ giới khu đất**	
A	**ĐẤT Ở VEN ĐƯỜNG QUỐC LỘ**			
I	**THỊ TRẤN TÂN BÌNH**	I	**THỊ TRẤN TÂN BÌNH**	
1	**Đường loại 2**	1	**Đường loại I**	
Vị trí 2	Từ ngã ba rẽ vào nhà máy Z113 đến trạm gác và toàn bộ quy hoạch khu dân cư Z113 thuộc thổ 11, thị trấn Tân Bình.	Vị trí 2	Từ ngã ba rẽ vào nhà máy Z113 đến trạm gác và toàn bộ quy hoạch khu dân cư Z113 thuộc thổ 11, thị trấn Tân Bình.	
Vị trí 3	Từ trạm gác đến trạm gác gạch: Các hộ bám trục đường.	Vị trí 3	Từ trạm gác đến trạm gác gạch: Các hộ bám trục đường.	
Vị trí 4	Các khu dân cư còn lại trong khu vực Nhà máy.	Vị trí 4	Các khu dân cư còn lại trong khu vực Nhà máy.	

Biểu số: 05YS/PL-ONT

BIỂU BỔ SUNG PHÂN LOẠI KHU VỰC, VỊ TRÍ
ĐẤT Ở NÔNG THÔN CÁC VỊ TRÍ CÒN LẠI TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN YÊN SƠN
(Kèm theo Quyết định số 09/2010/QĐ-UBND ngày 25/6/2010 củaUBND tỉnh Tuyên Quang)

Phân loại vị trí đất	Tên xã (phường, thị trấn), phạm vi chỉ giới của vị trí đất
1	*2*
1	**XÃ ĐỘI BÌNH**
Khu vực I	
Vị trí 1	Đất ở nông thôn các vị trí còn lại thuộc thôn Thống nhất.
2	**XÃ THẮNG QUÂN**
Khu vực I	
Vị trí 1	*** Xóm Phú Thịnh:**
	- Đất ở liền cạnh đường liên thôn từ hết đất nhà ông Kiều Quốc Sự đến hộ ông Trần Văn Bắc.
	*** Xóm Trầm Ân:**
	- Đất ở liền cạnh đường liên thôn đoạn từ tiếp giáp đất ở hộ ông Đỗ Đình Liệu đến hết đất ở các hộ ông Lương Đình Thức, ông Lương Quang Huy và ông Đặng Văn Cường.
	- Ngõ nhà thờ Trầm Ân: Từ tiếp giáp đất ở nông thôn các vị trí ven trục giao thông chính đến hết đất ông Nguyễn Văn Chiến.
	- Ngõ nhà ông Đặng Văn Hưng: Từ tiếp giáp đất hộ ông Trần Trung Dũng đến tiếp giáp địa giới xã Tứ Quận
	- Đoạn từ tiếp giáp đất hộ ông Nguyễn Hồng Hạnh đến hết đất hộ bà Nguyễn Thị Hường.
	- Ngõ Km12+100 (Đường ngõ nhà ông Tuấn): Từ đất ở hộ ông Nguyễn Minh Tuấn đến hết đất hộ ông Phạm Đình Chiểu.
	- Từ đất hộ bà Hoàng Ngọc Anh đến hết đất hộ ông Hoàng Minh Tuân.
	- Đoạn từ vườn vải Tỉnh ủy đến đường ngõ nhà ông Hoàng Minh Tuân (bám dọc trục đường quốc lộ 2 hướng Tuyên Quang đi Hà Giang): Các vị trí tiếp giáp với các vị trí ven trục đường giao thông chính và đất hộ ông Vũ Mạnh Toàn, bà Vũ Thị Bé, bà Vũ Bích Việt và bà Vũ Thanh Hà.

Biểu số: 06SD/PL-ODT

BIỂU ĐIỀU CHỈNH PHÂN LOẠI VỊ TRÍ ĐẤT Ở TẠI ĐÔ THỊ
ĐỊA BÀN HUYỆN SƠN DƯƠNG

(Kèm theo Quyết định số 09/2010/QĐ-UBND ngày 25/6/2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang)

Nội dung đã quy định tại Quyết định tại Quyết định số 25/2009/QĐ-UBND		Nội dung điều chỉnh		Ghi chú
STT	**Tên xã (phường, thị trấn); phạm vi chỉ giới khu đất**	**STT**	**Tên xã (phường, thị trấn); phạm vi chỉ giới khu đất**	
II	**ĐƯỜNG LOẠI II**	**III**	**ĐƯỜNG LOẠI III**	
	Từ ngã 3 Hạt Giao thông qua ngã 3 Hợp Hoà đến Đài Truyền thanh, Truyền hình huyện			
Vị trí 1	**Đất liền cạnh đường phố (mặt tiền)**			
Vị trí 2	Bao gồm:	**Vị trí 1**		
	Từ ngã 3 đi Hợp Hoà đến ngã 3 Kỳ Lâm		Từ ngã 3 đi Hợp Hoà đến ngã 3 Kỳ Lâm	

Biểu số: 06YS/GĐ-VTGT

BIỂU SỬA ĐỔI, ĐIỀU CHỈNH ĐẤT Ở TẠI NÔNG THÔN

CÁC VỊ TRÍ VEN TRỤC ĐƯỜNG GIAO THÔNG CHÍNH (QUỐC LỘ, TỈNH LỘ, HUYỆN LỘ) CÁC ĐẦU MỐI GIAO THÔNG KHU CÔNG NGHIỆP, KHU THƯƠNG MẠI, KHU DU LỊCH TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN YÊN SƠN

(Kèm theo Quyết định số 09/2010/QĐ-UBND ngày 25/6/2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang)

Nội dung đã quy định tại Quyết định tại Quyết định số 24/2009/QĐ-UBND (Biểu số 06TX/GĐ-VTGT thị xã Tuyên Quang)			Nội dung điều chỉnh (Biểu số 06YS/GĐ-VTGT huyện Yên Sơn)			Ghi chú
STT	Tên địa danh, vị trí đất ở ven trục đường giao thông chính:(Quốc lộ, Tỉnh lộ, huyện lộ); các đầu mối giao thông; khu công nghiệp; khu thương mại; khu du lịch.	Mức giá (đ/m^2)	STT	Tên địa danh, vị trí đất ở ven trục đường giao thông chính:(Quốc lộ, Tỉnh lộ, huyện lộ); các đầu mối giao thông; khu công nghiệp; khu thương mại; khu du lịch.	Mức giá (đ/m^2)	
4	5	6	4	5	6	
I	**ĐẤT Ở VEN ĐƯỜNG QUỐC LỘ**		I	**ĐẤT Ở VEN ĐƯỜNG QUỐC LỘ**		
1	**Quốc lộ số 2 (Tuyên Quang đi Hà Nội)**		1	**Quốc lộ số 2 (Tuyên Quang đi Hà Nội)**		
	Từ Km 14+500 đến Km 15+ 500 (phần địa phận xã **Đội Cấn**, phía TT Tân Bình áp dụng ở biểu đất ở đô thị)	800.000		Từ Km 14+500 đến Km 15+ 500 (phần địa phận xã **Đội Bình**, phía TT Tân Bình áp dụng ở biểu đất ở đô thị)	800.000	
	Từ Km 15+500 đến Km **17+ 500** (phần địa phận xã **Đội Cấn**, phía TT Tân Bình áp dụng ở biểu đất ở đô thị)	320.000		Từ Km 15+500 đến Km **16+ 500** (phần địa phận xã **Đội Bình**, phía TT Tân Bình áp dụng ở biểu đất ở đô thị)	320.000	